TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-05-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Võ Tấn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Sử Em- kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị Kim D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(*Chị D có đơn xin vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đào Thị Kim D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị và anh T có 01 (một) đứa con chung tên: Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008. Hiện cháu T1 đang sống cùng với chị D.

Về tài sản chung: Chị D xác định chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh T là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị D và anh T đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, chị D không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh T.

Nay, chị Đào Thị Kim D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị D không còn có yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất theo trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay trước yêu cầu của chị D thì anh đồng ý ly hôn với chị Đào Thị Kim D, tuy nhiên, anh T không đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mà anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Anh và chị D đã thống nhất thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Kim D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu. Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Đào Thị Kim D phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Đào Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp L, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn T có mặt, chị Đào Thị Kim D có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2008. Vì thế, hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình xét xử, chị D và anh T đều thống nhất thừa nhận: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị D và anh T là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi dẫn nhau đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị D và anh T đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị D và anh T không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị D và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân, chị D và anh T cũng đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được. Trong quá trình xét xử vụ án, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân, đồng thời, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đào Thị Kim D. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Đào Thị Kim D đối với anh Nguyễn Văn T .

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị D và anh T có 01 (một) người con chung tên: Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008. Chị D

có nguyện vọng được nuôi con. Anh T không đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Do chị D và anh T không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi cháu T1 và tại thời điểm giải quyết cháu T1 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu T1 để giao cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu T1 (BL 25), cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng với chị D. Mặt khác, cháu T1 hiện đang sống ổn định cùng với chị D. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T1, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu T1, nên cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị D không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh T thống nhất xác định đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị D và anh T thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Kim D đối với anh Nguyễn Văn T, xử cho ly hôn giữa chị Đào Thị Kim D và anh Nguyễn Văn T.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Như T1, sinh ngày 09/11/2008 cho chị Đào Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đào Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002884 ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Xuyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;